TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Chính;

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2021/QĐ-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Phi T, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn H, sinh năm 1960 (vắng).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2021 cùng các văn bản khác và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Phi T trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2004, sau thời gian tìm hiểu thì bà T và ông H đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau ngày 19/12/2005.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống, ông H không có trách nhiệm với gia đình, khi cự cãi thì có lời lẽ không tôn trọng bà T. Tiền của người nào làm ra người đó sử dụng riêng. Dù vợ chồng sống chung nhưng không quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn đã phát sinh và kéo dài 20 năm qua, vì nghĩ thương con nhỏ mà bà T duy trì hôn nhân nhưng đến nay không thể tiếp tục chung sống. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Như Quỳnh (Nữ), sinh ngày 07/6/2005. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập trực tiếp, hợp lệ nhưng từ chối nhận văn bản của Tòa án, đồng thời ông H trình bày ý kiến không tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và vắng mặt tại phiên tòa mà không lý do.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bà Huỳnh Phi T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông H vắng mặt xét xử lần 02 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H là có cơ sở.

[2] Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Năm 2004, bà T và ông H sau thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/12/2005, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 220, quyển số 01/2005. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà T và ông H được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, bởi lẽ: Vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau mà mỗi người chỉ biết bổn phận người đó, tiền của ai người đó sử dụng riêng, đã được gia đình hai bên hòa giải mà không được; mục đích hôn nhân không đạt được khi ông H không tôn trọng danh dự của bà T dẫn đến việc khi cự cãi có lời lẽ xúc phạm nhau; mặt khác, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông H không có

mặt, ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật cho thấy ông H không thiện chí hàn gắn hôn nhân.

Từ những lẽ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T cho ly hôn giữa bà T với ông H theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Trần Như Quỳnh (Nữ), sinh ngày 07/6/2005. Bà T đề nghị được nuôi con vì ông H không làm tròn trách nhiệm người cha. Tòa án đã ghi nhận nguyện vọng và Như Quỳnh muốn sống với mẹ là bà T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử quyết định để bà T trực tiếp nuôi Như Quỳnh theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng, chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết,căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự*"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch, nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Phi T và ông Trần Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Như Quỳnh (Nữ), sinh ngày 07/6/2005 để bà Huỳnh Phi T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Phi T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ th ẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007757 ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND TT Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thùy Linh